

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 05 - 5 - 2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Sơn Hùng;

Bà Trương Thị Thu Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 28/2022/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm Y, sinh năm 2001. (Xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Bình Th, xã Bình Th1, huyện CP, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Lê Minh T, sinh năm 1996. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Bình Ph, xã Bình Th1, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/11/2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm Y trình bày: Chị và anh T quen biết, tìm hiểu nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới chung sống năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Th1 vào năm 2019. Sau khi cưới cuộc sống ban đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, vợ

chồng đã ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Nay không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Y được ly hôn với anh T. Con chung có 02 con chung tên Lê Minh T1, sinh ngày 26/9/2016 đang ở với anh T; Lê Thị Cẩm T2, sinh ngày 15/9/2019 đang ở với chị Y. Ly hôn, chị Y yêu cầu tiếp tục nuôi cháu T2, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, còn cháu T1 đang ở với anh T nên đồng ý giao cháu T1 cho anh T tiếp tục nuôi, chị Y không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Không yêu cầu; Nợ chung: không có.

Đối với bị đơn anh Lê Minh T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T.

Tại phiên tòa, chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa thấy rằng hôn nhân của chị Y và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Y yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Minh T1, sinh ngày 26/9/2016 đang ở với anh T; Lê Thị Cẩm T2, sinh ngày 15/9/2019 đang ở với chị Y. Sau khi vợ chồng ly thân đến nay cháu T2 do chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định; còn cháu T1 do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, ổn định. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung, theo yêu cầu của chị Y muốn tiếp tục nuôi cháu T2, nên đề nghị giao cháu T2 cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng; và giao cháu T1 cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu T2 nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu T1 đang ở với anh T, anh T vắng mặt không có ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét.
 - Về nợ chung: Không có, nên đề nghị không xem xét.
- Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Lê Minh T có hộ khẩu thường trú tại xã Bình Th1, huyện CP. Chị Y khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Y và anh T chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Th1 năm 2019 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn anh chị có cuộc sống hạnh phúc được một thời gian, nhưng thời gian sau xảy ra mâu thuẫn, anh T không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường hay cãi vã và phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng đã ly thân tháng 02/2021 đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị Y xin ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết vụ án chị Y kiên quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy chị Y đã kiên quyết ly hôn, Tòa án đã hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng anh T đều vắng mặt. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y.

- Về con chung: Chị Y và anh T chung sống có 02 con chung tên Lê Minh T1, sinh ngày 26/9/2016 đang ở với anh T; Lê Thị Cẩm T2, sinh ngày 15/9/2019 đang ở với chị Y. Sau khi vợ chồng ly thân đến nay cháu T2 do chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định; còn cháu T1 do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, ổn định. Ly hôn, chị Y yêu

cầu tiếp tục nuôi cháu T2 và giao cháu T1 cho anh T tiếp tục nuôi. Xét, từ khi ly thân đến nay cháu T2 do chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, cháu T1 do anh T chăm sóc nuôi dưỡng ổn định. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của con chung, theo yêu cầu của chị Y muốn nuôi T2. Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Lê Thị Cẩm T2, sinh ngày 15/9/2019 cho chị Y được trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Minh T1, sinh ngày 26/9/2016 cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Y và anh T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; quyền nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thị Cẩm T2 nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Lê Minh T1 giao cho anh T nuôi, anh T vắng mặt không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Y phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm Y.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm Y được ly hôn với anh Lê Minh T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 141 ngày 20/9/2019 của Ủy ban dân xã Bình Th1, huyện CP không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Mỹ T2, sinh ngày 15/9/2019 cho chị Nguyễn Thị Cẩm Y được trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Lê Minh T1, sinh ngày 26/9/2016 cho anh Lê Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Y và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Y và anh T cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm Y phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003457 ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- VKSND huyện CP;
- UBND xã Bình Th1;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Mỹ

